

LA BÀN ĐẦU TƯ

Tuần 02/12 - 06/12/2024

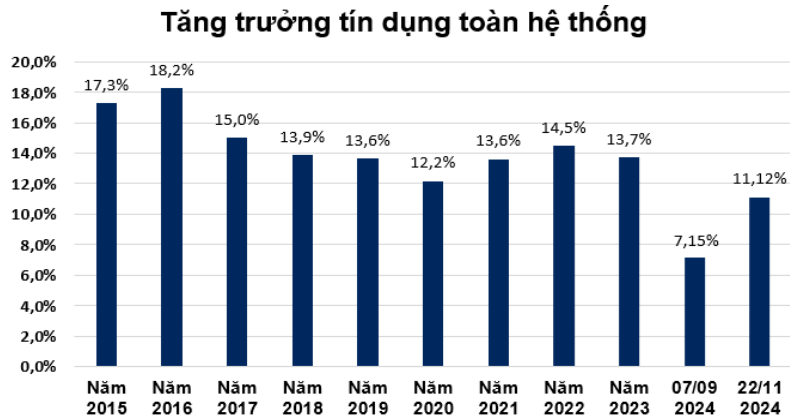


1. Tiêu điểm vĩ mô & sự kiện tuần qua

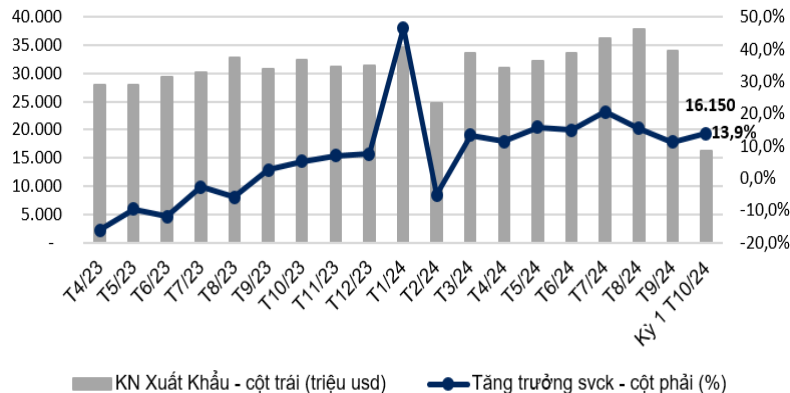


Việt Nam: Ngân hàng nhà nước nói thêm room tín dụng năm 2024

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống



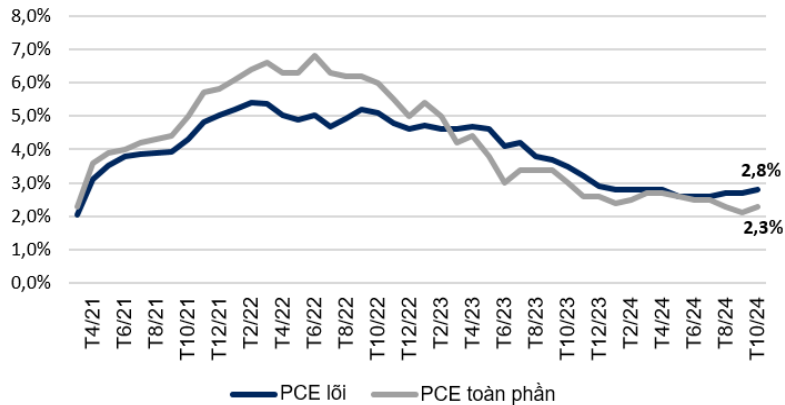
Số liệu xuất khẩu của VN



- NHNN tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho các TCTD nhằm đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế.
- Hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam duy trì phục hồi tích cực trong nửa đầu T11/24 với tổng kim ngạch XNK đạt 33,44 tỷ usd, tăng 13,6% svck.
- Ngày 28/11, NHNN tiếp tục thông báo điều chỉnh tăng thêm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2024 cho các tổ chức tín dụng theo nguyên tắc cụ thể, đảm bảo công khai, minh bạch. Đây là động thái nhằm đảm bảo nguồn vốn hỗ trợ sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế. Việc bổ sung hạn mức này cũng là sự chủ động của NHNN để các TCTD có thể tiếp tục cho vay sau khi sử dụng hết room tín dụng được phân bổ từ đầu năm mà không cần phải đề nghị. Trước đó ngay từ đầu năm 2024, NHNN đã giao toàn bộ chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD với tổng mức tăng trưởng tín dụng là khoảng 15%. Theo số liệu của NHNN, tính đến ngày 21/11, tín dụng toàn hệ thống tăng 11,12% so với cuối năm 2023. Cũng theo báo cáo của NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm khoảng 2,5%/năm trong năm 2023; 10 tháng đầu năm nay, lãi suất cho vay bình quân giảm tiếp 0,76%/năm so với cuối năm 2023. Hiện, các ngân hàng đang triển khai nhiều gói tín dụng ưu đãi, cho vay lãi suất thấp để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cuối năm.
- Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi tích cực trong nửa đầu T11/24 với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 33,44 tỷ usd tăng 13,6% vsck. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu trong nửa đầu T11/24 đạt 16,73 tỷ usd tăng 14,2% svck, lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/11/2024 kim ngạch xuất khẩu đạt 352,38 tỷ usd tăng 14,8% svck. Kim ngạch nhập khẩu nửa đầu T11/24 đạt 16,7 tỷ usd tăng 13,1% svck, lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/11/2024 kim ngạch nhập khẩu đạt 329,1 tỷ usd, tăng 16,6% svck. Cán cân thương mại trong nửa đầu T11/24 thặng dư 30 triệu usd, lũy kế từ đầu năm cho đến hết ngày 15/11/2024 thặng dư 23,28 tỷ usd.

Thế Giới: Mỹ PCE nhích tăng trở lại, Fed không đưa ra tín hiệu về việc tiếp tục cắt giảm lãi suất

Số liệu PCE của Mỹ



Thị trường đang nghiêng về dự báo Fed sẽ có 2 lần cắt giảm LS trong năm 2025

CME FEDWATCH TOOL - AGGREGATED MEETING PROBABILITIES					
MEETING DATE	350-375	375-400	400-425	425-450	450-475
12/18/2024	0.00 %	0.00 %	0.00 %	66.04 %	33.96 %
1/29/2025	0.00 %	0.00 %	0.00 %	91.69 %	8.31 %
3/19/2025	0.00 %	0.00 %	47.69 %	52.31 %	0.00 %
5/7/2025	0.00 %	0.00 %	77.56 %	22.44 %	0.00 %
6/18/2025	0.00 %	22.89 %	77.11 %	0.00 %	0.00 %
7/30/2025	0.00 %	47.69 %	52.31 %	0.00 %	0.00 %
9/17/2025	0.00 %	78.18 %	21.82 %	0.00 %	0.00 %
10/29/2025	1.69 %	98.31 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %
12/10/2025	22.36 %	77.64 %	0.00 %	0.00 %	0.00 %

www.vndirect.com.vn

- Chỉ số PCE toàn phần và PCE lõi T11/24 của Mỹ tăng lần lượt 2,3% yoy và 2,8% yoy, nhích tăng so với mức tăng 2,1% yoy và 2,7% yoy của T9/24.
- Biên bản cuộc họp T11/24 của Fed không đưa ra tín hiệu về việc tiếp tục cắt giảm lãi suất trong cuộc họp T12/24 tới.
- Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) của Mỹ tăng trở lại trong T10/24 khi PCE toàn phần tăng 0,2% mom và tăng 2,3% yoy, các mức tăng này khớp với dự báo của các chuyên gia và nhích tăng so với mức tăng 2,1% yoy của T9/24. Trong khi PCE lõi T10/24 tăng 0,3% mom và tăng 2,8% yoy, khớp với dự báo và cũng nhích tăng so với mức tăng 2,7% yoy của T9/24. Yếu tố thúc đẩy PCE trong tháng 10 của Mỹ tăng là giá dịch vụ với mức tăng 0,4% mom. Trong khi giá năng lượng giảm 0,1% mom và giá thực phẩm gần như không thay đổi. Các số liệu PCE T10/24 cho thấy tiến trình kiềm chế lạm phát của Mỹ vẫn đang đối mặt với một số thách thức.
- Trong tuần qua, Fed đã công bố biên bản cuộc họp chính sách (FOMC) T11/24. Theo biên bản cuộc họp, tất cả các quan chức của Fed đều thống nhất tiếp tục cắt giảm lãi suất nhưng ở mức độ “dần dần”. Fed tin rằng lạm phát của Mỹ đang giảm dần và thị trường lao động vẫn mạnh, điều đó cho phép Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất nhưng với nhịp độ dần dần. Tại cuộc họp T11/24, các quan chức Fed đồng thuận cắt giảm 0,25% lãi suất, tuy nhiên, các quan chức vẫn còn tranh luận về mức độ cắt giảm lãi suất trong các kỳ họp tiếp theo khi vẫn còn nhiều bất ổn về điều kiện kinh tế. Cuộc họp T11/24 của Fed diễn ra ngay sau cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, tuy nhiên biên bản không đề cập đến vấn đề này, cũng không có thảo luận về những tác động của chính sách tài khóa sắp tới.

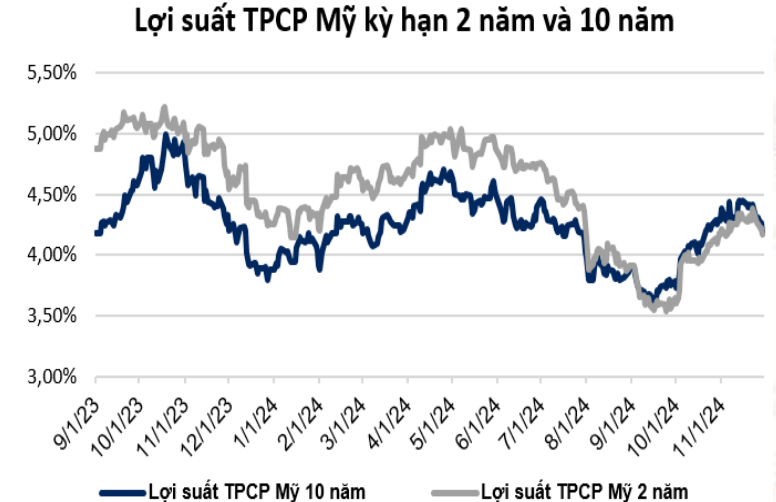
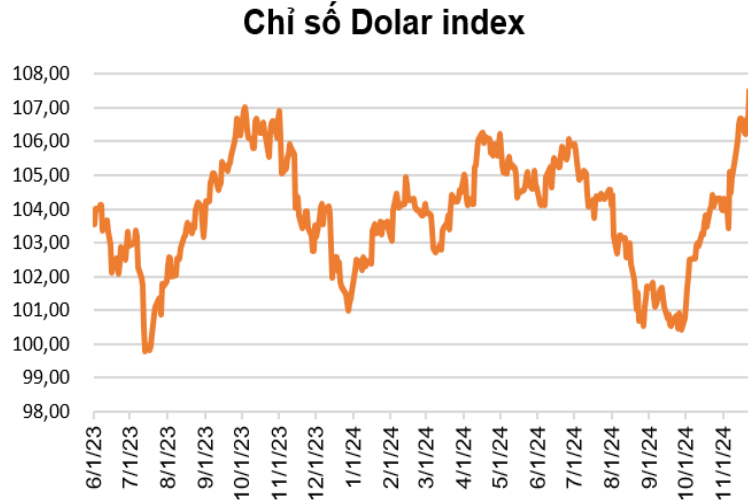
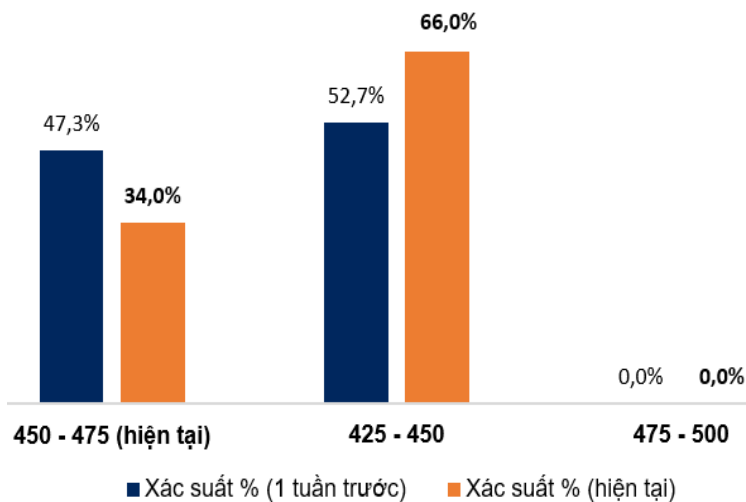
Nguồn: Bloomberg, CME, VNDIRECT RESEARCH

Dự báo của thị trường nghiêng về kịch bản Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất trong cuộc họp T12/2024

66% các nhà giao dịch dự báo Fed sẽ giảm 0,25% lãi suất điều hành và 34% dự báo Fed sẽ giữ nguyên lãi suất điều hành trong cuộc họp tháng 12.2024.

DXY đóng cửa ở mức 105,78 điểm, giảm 1,59% wow và tăng 4,39% so với đầu năm 2024 (ytd).

Lợi suất TPCP Mỹ kỳ hạn 2 năm ở mức 4,16% giảm 21,9 bps wow và giảm 8,7 bps ytd; LS kỳ hạn 10 năm ở mức 4,18% giảm 23,4 bps wow và tăng 29,9 bps ytd



Số liệu PCE tháng 10 của Mỹ mặc dù nhích tăng nhưng khớp với dự báo khiến các nhà đầu tư tiếp tục hy vọng về một đợt cắt giảm lãi suất tiếp theo của Fed trong cuộc họp tháng 12 tới. Số liệu này đã hỗ trợ cho đà giảm của cả chỉ số Dollar index và lợi suất TPCP Mỹ trong tuần qua. (cuộc họp tháng 12 của Fed sẽ diễn ra vào thứ 4, ngày 18/12/24 theo giờ địa phương).

Lịch sự kiện quan trọng tuần này

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 02/12/2024	Việt Nam	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 11.2024
	Mỹ	Chỉ số ISM PMI lĩnh vực sản xuất tháng 11.2024
Thứ Tư 04/12/2024	Mỹ	Chỉ số ISM PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 11.2024
Thứ Sáu 06/12/2024	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 11.2024
	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 11.2024

2. Chiến lược đầu tư đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện



Chiến lược đa kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

Môi trường vĩ mô duy trì hỗ trợ, kênh chứng khoán vẫn là lựa chọn hàng đầu hiện nay

Đánh giá các yếu tố vĩ mô/sự kiện chính	Đánh giá tác động với các kênh tài sản chính
Các NHTW trên thế giới đang bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế	- Trên toàn cầu, chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ đang dần kết thúc khi ngày càng nhiều ngân hàng trung ương lớn đã cắt giảm hoặc chuẩn bị cắt giảm lãi suất chính sách trong năm 2024. Từ đầu năm 2024, đã có 74 lần cắt giảm lãi suất trên toàn cầu, bao gồm các ngân hàng lớn như ECB, SNB và BOC. Con số này cao hơn nhiều so với chỉ 16 lần tăng lãi suất trên toàn cầu kể từ đầu năm nay. - Xu hướng giảm lãi suất chính sách sẽ trở nên nổi bật hơn trong nửa cuối năm 2024 và sau đó, nhờ đó làm dịu môi trường tín dụng và hỗ trợ dòng vốn đầu tư toàn cầu. Các tài sản tại các thị trường mới nổi và cận biên sẽ hưởng lợi từ sự thay đổi này.
Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024	- Tại Việt Nam, nền tảng kinh tế vĩ mô vẫn vững chắc. Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ mạnh mẽ hơn trong nửa cuối năm 2024 nhờ hoạt động sản xuất cải thiện, triển vọng xuất khẩu tích cực và chính sách tài khóa mở rộng. Trong khi đó, các thách thức kinh tế như lạm phát và áp lực tỷ giá có thể dần hạ nhiệt vào cuối năm nay. - Nền tảng kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn hỗ trợ cho một cách tiếp cận chủ động và chấp nhận rủi ro trong nửa cuối năm 2024. Triển vọng cổ phiếu vẫn khá tích cực. Mặc dù đà tăng của chỉ số chung có thể bị hạn chế do đợt tăng mạnh trước đó vào nửa đầu năm 2024, nhưng thị trường vẫn chứa đựng một số cơ hội đầu tư nổi bật trong một số ngành. - Vàng miếng có thể mất đi sức hấp dẫn khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hành động mạnh mẽ để quản lý kênh đầu tư này. - Tiền gửi sẽ vẫn là lựa chọn của phần lớn các nhà đầu tư không chuyên, đặc biệt khi lãi suất có xu hướng tăng dù ở mức độ vừa phải. Trong khi đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và bất động sản đang bước vào giai đoạn phục hồi ban đầu và sẽ cần những cách tiếp cận chuyên nghiệp và đầu tư dài hạn.

Đánh giá triển vọng các kênh tài sản dưới góc nhìn vĩ mô & sự kiện

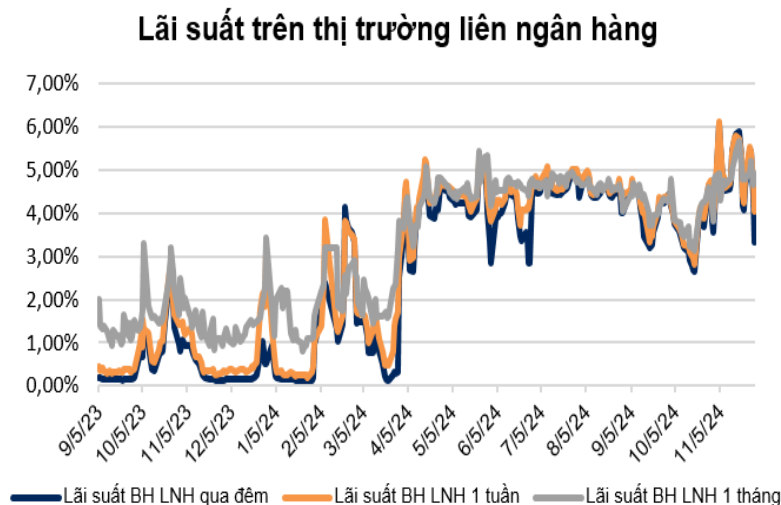
	Ngắn hạn (< 3 tháng)			Trung hạn (>3 tháng - 1 năm)			Dài hạn (> 1 năm)		
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Tiền gửi tiết kiệm		X			X			X	
Cổ phiếu			X			X			X
Trái phiếu chính phủ		X			X			X	
Bất động sản		X			X			X	
Vàng	X				X			X	
USD		X			X			X	

3. La bàn thị trường đa kênh tài sản

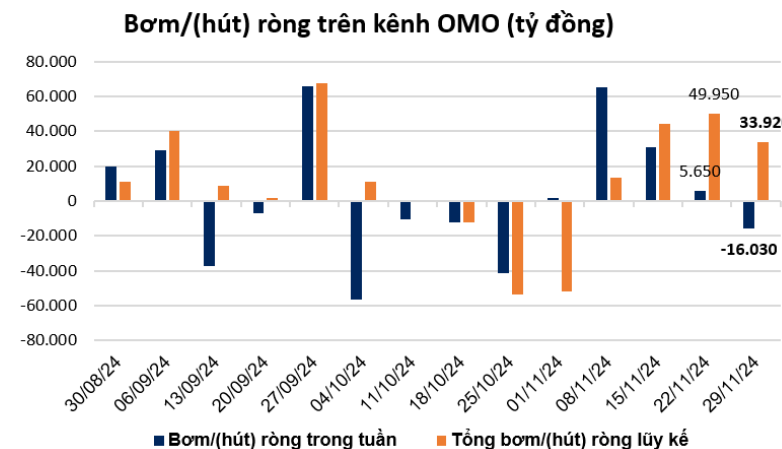


3.1 Thị trường tiền tệ VN: Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giảm

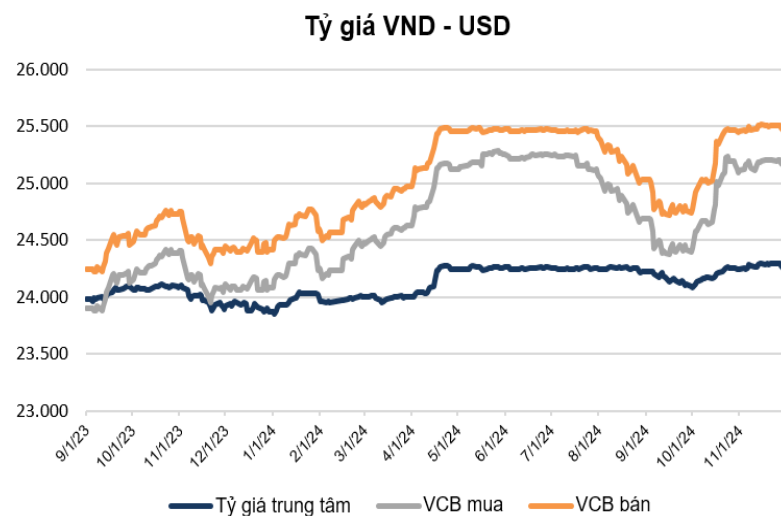
Lãi suất LNH tiếp tục giảm. Kỳ hạn qua đêm hiện ở mức 3,34% (- 72 bps wow), kỳ hạn 1 tuần ở mức 4,04 % (- 18 bps wow), kỳ hạn 1 tháng hiện ở mức 4,9% (+ 6 bps wow) (số liệu cập nhật hết ngày 28/11/2024)



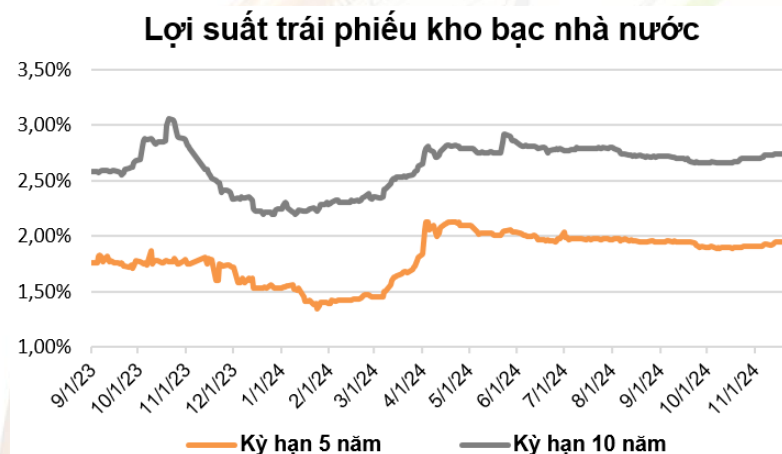
NHNN hút ròng trên kênh OMO khi giá trị bơm ròng qua kênh cảm cổ đáo hạn. Kết tuần NHNN hút ròng 16.030 tỷ đồng. Hiện tổng giá bơm ròng lũy kế là 33.920 tỷ đồng.



Tỷ giá USD-VND tiếp tục điều chỉnh. Hiện giá mua và bán tại Vietcombank lần lượt là 25.160 đ và 25.463 đ giảm 0,18% wow và tăng 4,25% ytd (theo giá bán). Tỷ giá trung tâm hiện là 24.251 đ, giảm 0,18% wow và tăng 1,61% ytd.

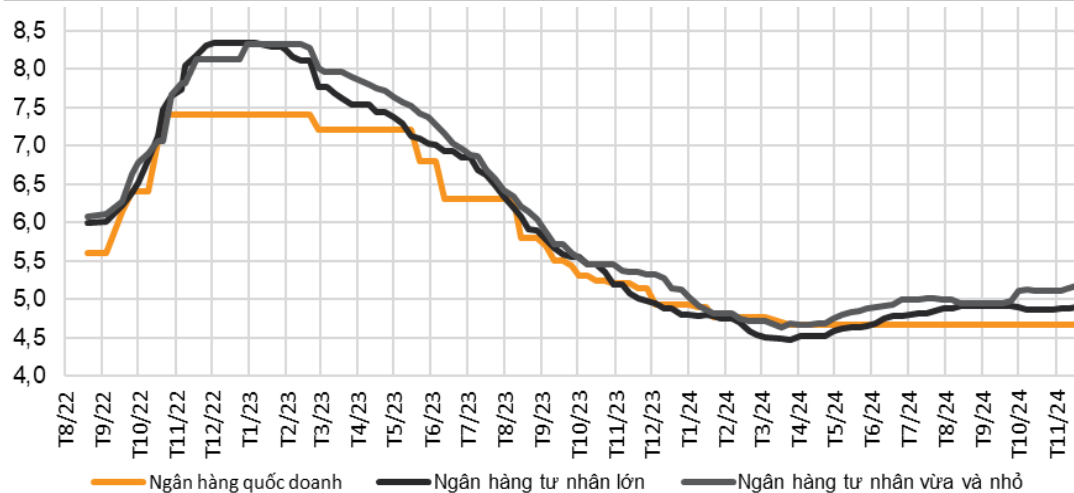


Lợi suất TP KBNN ổn định, lợi suất kỳ hạn 10 năm hiện ở mức 2,76%, không đổi so với tuần trước và tăng 52 bps ytd, lợi suất TP kỳ hạn 5 năm hiện ở mức 1,97% tăng 1 bps wow và tăng 44 bps ytd.



Lãi suất của các NH tư nhân có xu hướng tăng

Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12T của các nhóm Ngân hàng

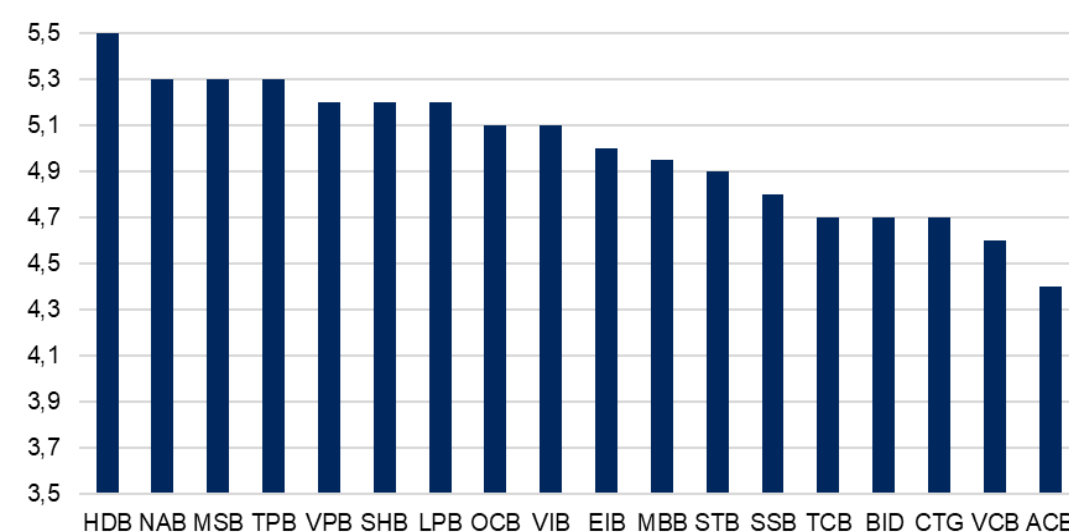


Ngân hàng quốc doanh bao gồm: VCB, BID, CTG

Ngân hàng tư nhân lớn bao gồm: TCB, VPB, MBB, STB, ACB, SHB

Ngân hàng tư nhân vừa và nhỏ bao gồm: LPB, SSB, NAB, EIB, HDB, TPB, VIB, MSB, OCB

Thống kê lãi suất tiền gửi 12 tháng của một số ngân hàng

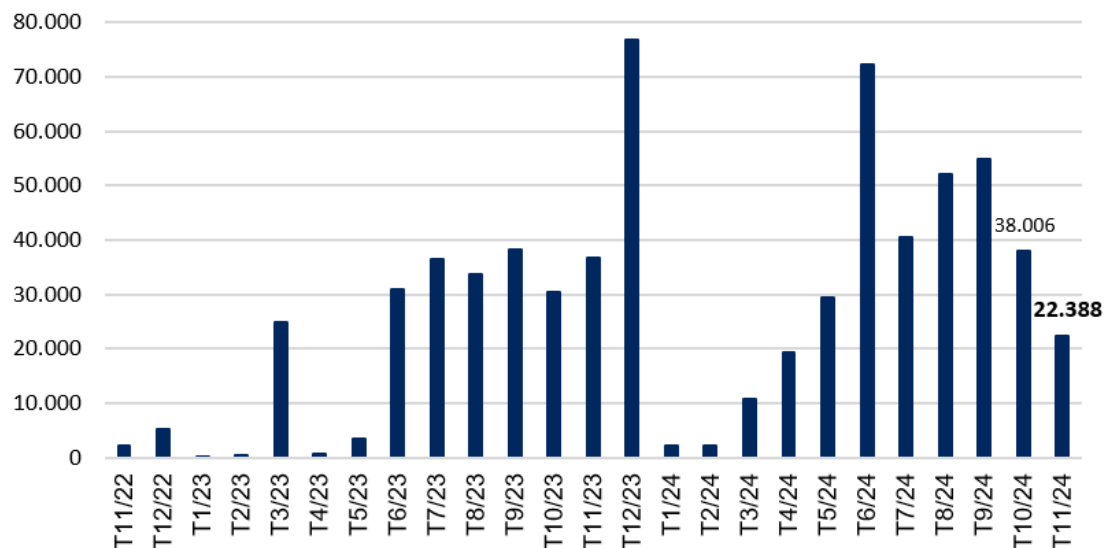


- Trong tuần từ 25/11-29/11/2024, bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các NH quốc doanh giữ nguyên ở mức 4,67%/năm. Bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng các NH tư nhân lớn tăng nhẹ 0,01 điểm cơ bản lên mức 4,89%/năm; các NH tư nhân vừa và nhỏ tăng 0,05 điểm cơ bản lên mức 5,18%/năm. Trong số đó, SSB tăng mạnh 0,3 điểm % lên mức 4,8%/năm, là NH có mức tăng mạnh nhất trong tuần này.
- Tại các kỳ hạn khác, hầu hết các NH đều có xu hướng giữ nguyên các mức lãi suất, ngoại trừ MBB tăng 0,1 điểm % tại các kỳ hạn từ 1 đến 9 tháng, LPB tăng 0,2 điểm % lãi suất tại các kỳ hạn từ 1 đến 9 tháng; SSB tăng 0,5 điểm % lãi suất với kỳ hạn từ 1 đến 9 tháng; TPB tăng 0,2 điểm % lãi suất tại các kỳ hạn 1 và 3 tháng, tăng 0,1 điểm % lãi suất với kỳ hạn từ 12 đến 36 tháng.

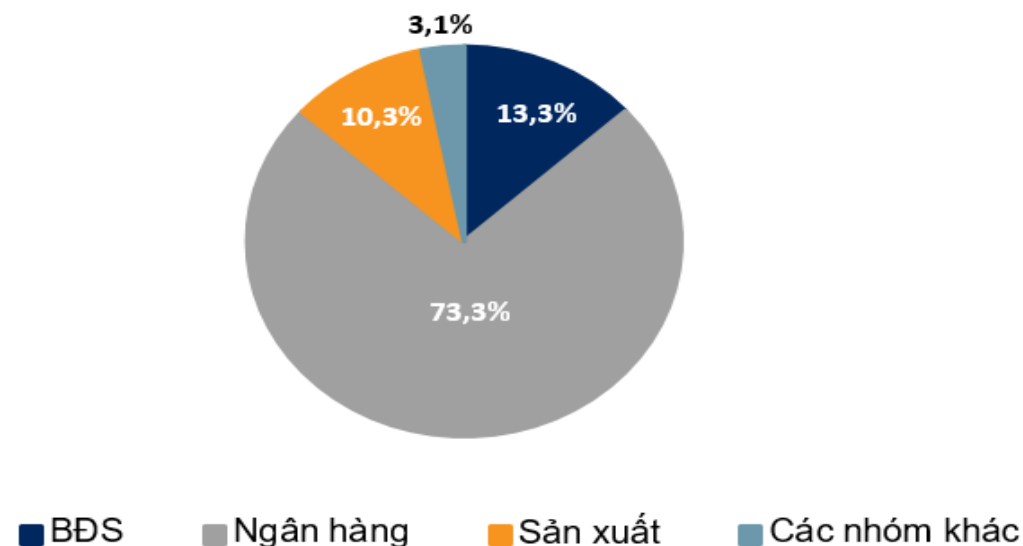
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Nhóm Ngân hàng duy trì phát hành giúp hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) vẫn duy trì tích cực trong tháng 11

Giá trị TPDN riêng lẻ phát hành theo tháng (đơn vị: tỷ đồng)
- số liệu được tổng hợp đến ngày 28/11/24



Cơ cấu TPDNRL phát hành theo nhóm ngành trong T10/24 - số liệu được tổng hợp đến ngày 28/11/24

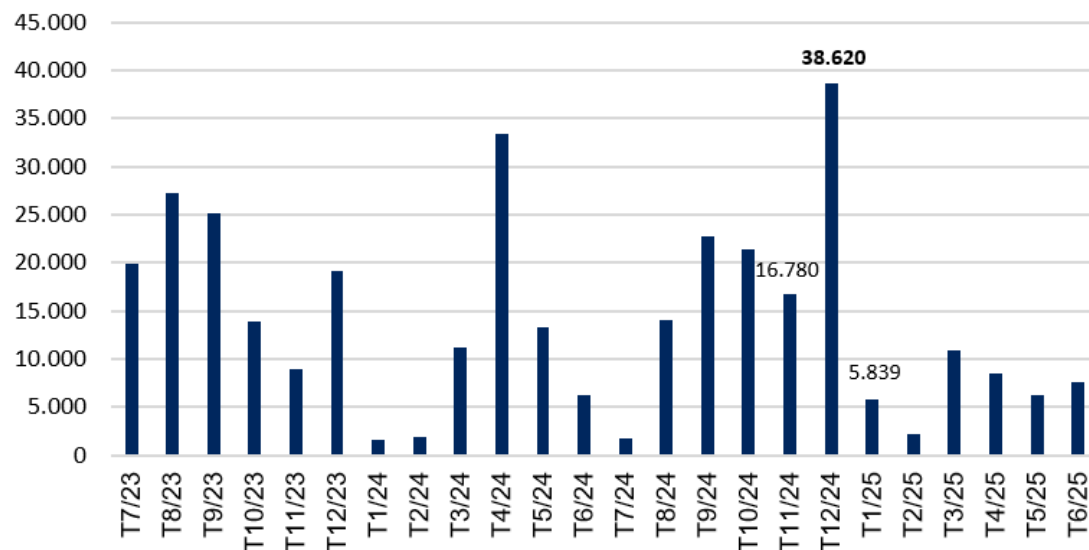


- Theo số liệu được công bố đến ngày 28/11/24, trong T11/24 có 27 đợt phát hành TPDNRL thành công với tổng giá phát hành đạt hơn 22,3 nghìn tỷ đồng, giảm 41% so với tháng trước và giảm 39,1% svck. Hoạt động phát hành riêng lẻ trong T11/24 mặc dù tiếp tục sụt giảm so với những tháng gần đây, tuy nhiên tổng giá trị phát hành vẫn duy trì khá tích cực. Lũy kế 11 tháng đầu năm 2024 tổng giá trị TPDNRL phát hành đạt hơn 343,6 nghìn tỷ đồng, tăng 45,6% svck.
- Trong T11/24 có 20 đợt phát hành riêng lẻ của nhóm Ngân hàng với tổng giá trị phát hành (TGTPH) đạt 16,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 73,3% TGTPH, trong khi nhóm BĐS sản chỉ có 3 đợt phát hành có tổng trị phát hành là gần 3 nghìn tỷ đồng chiếm 13,3% TGTPH.

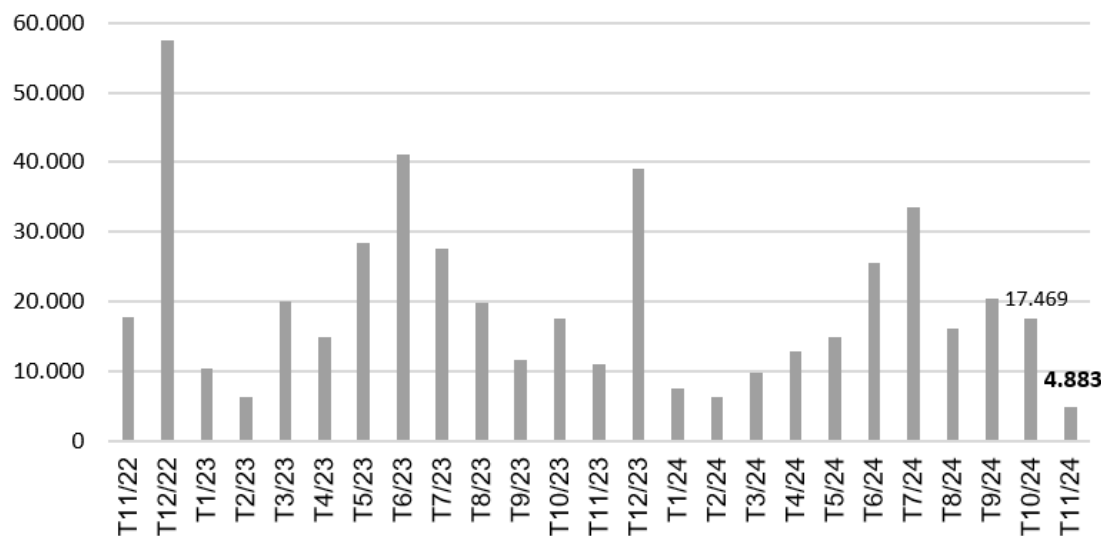
3.2 Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Áp lực TPDN đáo hạn sẽ tăng mạnh trong tháng 12 sau đó sẽ hạ nhiệt trong các tháng đầu năm 2025

Giá trị TPDN đáo hạn theo tháng (Đơn vị: tỷ đồng) - thống kê đã loại trừ các TP được mua lại trước hạn và các TP đã được gia hạn kỳ hạn đến ngày 28/11/24



Tổng giá TPDN riêng lẻ được mua lại trước hạn theo tháng (đơn vị: tỷ đồng) - số liệu được tổng hợp đến ngày 28/11/24



- Theo số liệu của chúng tôi trong T12/24 sẽ có khoảng hơn 38 nghìn tỷ đồng TPDNRL đáo hạn, tăng hơn 2 lần so với tháng trước. Tuy nhiên áp lực đáo hạn sẽ giảm đáng kể trong các tháng đầu năm 2025. Trong T11/24 chỉ có hơn 4,8 nghìn tỷ đồng TPDNRL được mua lại trước hạn, giảm 72% so với tháng trước và giảm 55,5% svck.
- Hoạt động đàm phán thay đổi điều khoản và điều kiện trái phiếu (TP) giữa các tổ chức phát hành (TCPH) và các trái chủ vẫn diễn ra tích cực trong T11/24. Tính đến ngày 28/11/24 đã có khoảng hơn 100 TCPH đạt được thỏa thuận gia hạn thời hạn TP với trái chủ với tổng giá trị TPDN được gia hạn là khoảng hơn 160 nghìn tỷ đồng.

3.3 Thị trường Bất động sản

Dư nợ vay mua nhà tăng chậm

Giá bất động sản nhà ở tăng nhanh dẫn đến người mua nhà thận trọng trong quyết định mua nhà:

Giá nhà liên tục tăng cao từ đầu năm 2024 tại các thành phố lớn, đặt biệt là ở Tp.Hà Nội khi mức giá chung cư cả sơ cấp và thứ cấp đều tăng trung bình từ 30% trở lên so với thời điểm trước đó đã dẫn đến việc người dân ngần ngại trong quyết định mua nhà.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng trưởng đóng góp vào nền kinh tế của ngành kinh doanh bất động sản đạt 2,7%, thấp hơn nhiều so với năm 2022 đạt 6,2%. Đối với ngành xây dựng đã cải thiện hơn so với cùng kỳ năm ngoái với mức 7,5%.

Đáng chú ý, trong 9 tháng đầu năm 2024, tín dụng ngành BĐS tăng trưởng 4,62% so với đầu năm nhưng phần lớn được đóng góp bởi vay kinh doanh bất động sản, khi lĩnh vực này có mức tăng trưởng lên tới 16% so với đầu năm, trong khi đó vay mua nhà chỉ tăng trưởng 3,5%. Điều này cho thấy nhu cầu vay mua nhà của người dân đang tương đối yếu và nhu cầu vốn đang tới từ phía nguồn cung để cung cấp sản phẩm BĐS đến thị trường. Lý do là bởi mặt bằng giá đã tăng mạnh vượt khả năng chi trả của người mua nhà dù mặt bằng lãi suất cho vay mua nhà đã giảm xuống mức rất thấp, giảm khoảng 3% so với năm ngoái ở mức thậm chí thấp hơn trước giai đoạn Covid-19 đối với một số ngân hàng.

Ngoài ra, các biện pháp siết chặt đấu giá đất của cơ quan quản lý đang chưa thể hiện sự hiệu quả khi giá đất trung đấu giá của hàng loạt phiên đấu giá tại các huyện ven Tp.Hà Nội đều liên tục tăng mạnh bất thường, qua đó dẫn tới mặt bằng giá cao mới được thiết lập ở nhiều nơi.

3.4 Thị trường hàng hóa

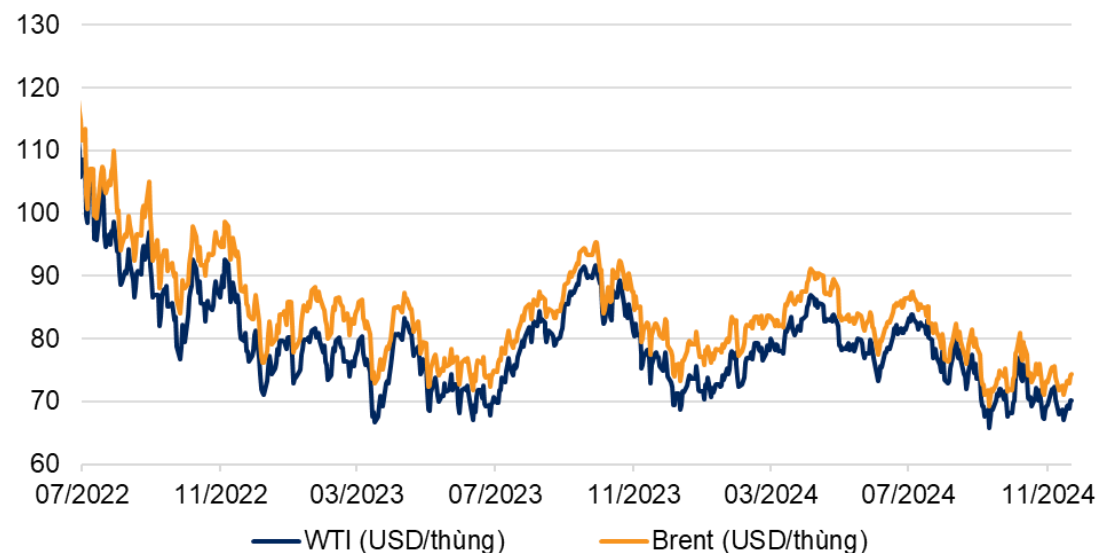
Diễn biến giá một số loại hàng hóa chúng tôi theo dõi (dữ liệu cập nhật đến ngày 29/11/2024):

		Thay đổi giá trong 1 tuần	Thay đổi giá trong 1 tháng	Thay đổi giá trong 1 năm	Thay đổi giá từ đầu năm 2024	Diễn biến giá trong 1 năm
Năng lượng	Dầu thô	-2,97%	2,56%	-12,23%	-3,89%	
	Khí LNG	3,73%	11,94%	0,92%	33,12%	
Công nghiệp - xây dựng	Than	0,18%	-2,58%	10,68%	10,76%	
	Quặng sắt	0,72%	-1,57%	-21,44%	-28,40%	
	Đồng	-0,13%	-6,42%	7,78%	5,15%	
	Niken	-0,54%	0,27%	-7,30%	-4,10%	
	PVC	-1,42%	-4,79%	-11,48%	-7,34%	
	Cao su	-2,48%	1,51%	43,96%	55,07%	
	Gỗ	-0,34%	8,47%	11,13%	7,29%	
Nông nghiệp	Urê	-2,69%	-6,53%	-7,16%	7,34%	
	Lúa Mỹ	-2,20%	-6,70%	-4,27%	-12,28%	
	Gạo tằm 5%	0,00%	-3,72%	-17,17%	-17,71%	
	Đường	-1,31%	-4,53%	-21,52%	0,86%	
	Thịt lợn	0,00%	0,82%	25,00%	23,74%	
Kim loại quý	Vàng thời	-2,69%	-4,74%	29,30%	28,37%	

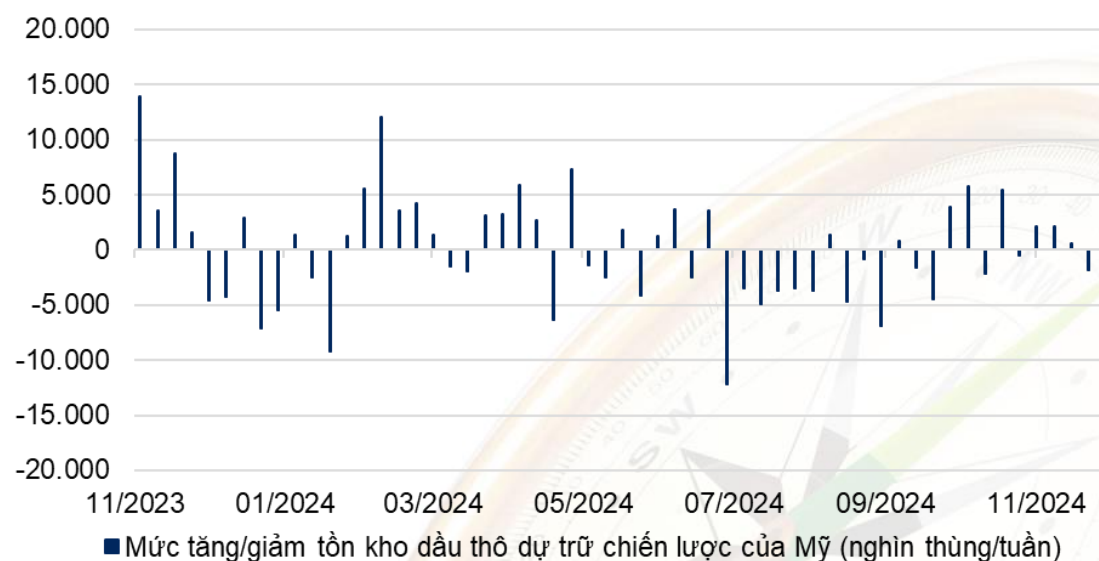
3.4 Thị trường hàng hóa

Giá dầu thô quay đầu giảm khi các nhà đầu tư thận trọng chờ đợi kế hoạch sản lượng của OPEC

Tính đến ngày 29/11, giá dầu thô WTI và Brent đã lần lượt giảm 4,5%/3,0% sv tuần trước, đạt 68,0 và 72,9 USD/thùng



Tồn kho dầu thô tại kho dự trữ chiến lược tại Mỹ giảm ròng lần đầu tiên kể từ tuần cuối tháng 10



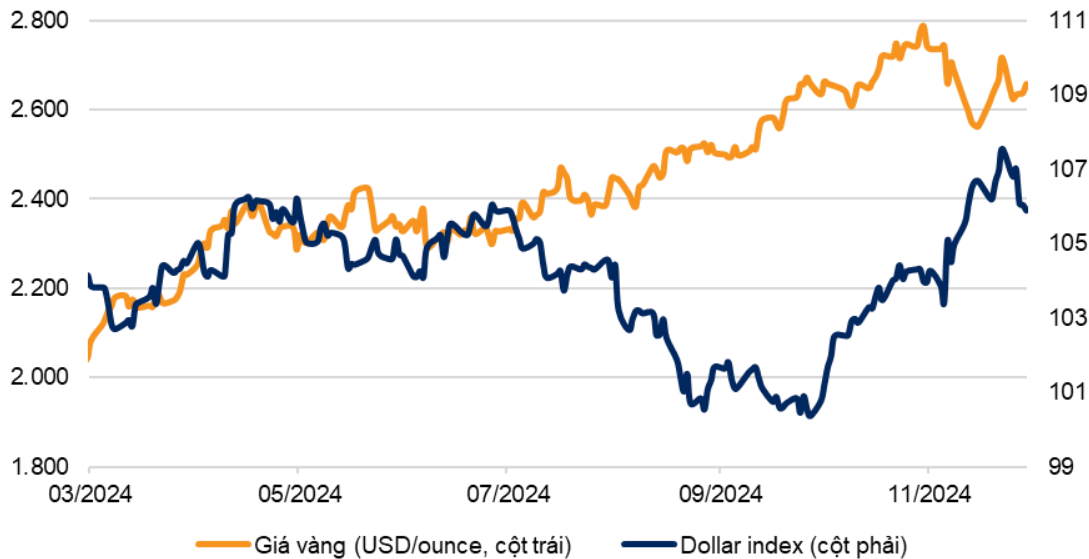
- Israel và Hezbollah đều cáo buộc nhau vi phạm thỏa thuận ngừng bắn, sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, một ngày. Bên cạnh đó, Tổng thống Putin đã cảnh báo về một cuộc tấn công mới có thể xảy ra vào Ukraine bằng tên lửa đạn đạo có khả năng mang đầu đạn hạt nhân, sau cuộc tấn công quy mô lớn gần đây của Moscow. Đây là các rủi ro gián đoạn nguồn cung tiềm tàng giúp hỗ trợ đà tăng của giá dầu. Tuy nhiên, giá dầu thô vẫn giảm trong tuần qua khi các nhà giao dịch vẫn thận trọng khi họ chờ đợi kế hoạch sản xuất của OPEC+ tại cuộc họp được lên lịch lại vào ngày 5/12 (hoãn bốn ngày so với kế hoạch ban đầu). Tại cuộc họp, nhóm các nhà sản xuất sẽ thảo luận về việc có nên tiếp tục khôi phục nguồn cung hay gia hạn cắt giảm sản lượng sang năm 2025 để tránh tình trạng cung vượt cầu trên thị trường toàn cầu.
- Đại diện cho nhu cầu, tại Mỹ, thị trường tiêu thụ dầu lớn thứ hai thế giới, đã ghi nhận kho dự trữ dầu giảm ròng 1,8 triệu thùng/ngày trong tuần kết thúc ngày 22/11, sau ba tuần tăng ròng.

Nguồn: Bloomberg, IEA, EIA, Vndirect Research

3.4 Thị trường hàng hóa

Giá vàng tăng dần về cuối tuần trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng và đồng USD yếu hơn

Tính đến ngày 29/11, giá vàng thế giới đạt 2.643 USD/oz, giảm gần 2,7% sv tuần trước và giảm 4,7% sv tháng trước



Giá vàng SJC đạt 83,8-85,8 triệu đồng/lượng ở hai chiều mua-bán, lần lượt giảm 1,41%/1,38% sv tuần trước



- Giá vàng thế giới giảm so với tuần trước, nhưng đã tăng dần qua các phiên trong tuần qua, được hỗ trợ bởi đồng USD yếu hơn và căng thẳng địa chính trị gia tăng.
- Thị trường đang chờ đợi dữ liệu tiếp theo của Mỹ để có thêm thông tin chi tiết về triển vọng chính sách tiền tệ của FED. Đầu tuần, dữ liệu công bố cho thấy chỉ số PCE lõi trong tháng 10 đã đáp ứng được kỳ vọng, củng cố triển vọng FED sẽ cắt giảm lãi suất một lần nữa vào tháng 12. Tuy nhiên, các dữ liệu khác chỉ ra một nền kinh tế phục hồi lại củng cố kỳ vọng rằng FED sẽ áp dụng cách tiếp cận thận trọng vào năm tới.
- Trong nước, giá vàng miếng SJC đạt mức 83,8-85,8 triệu đồng/lượng hai chiều mua-bán vào ngày 29/11. Chênh lệch giữa giá vàng SJC bán ra với giá vàng thời giao ngay tính đến ngày 29/11 ở mức 5,0 triệu đồng/lượng (tỷ giá USD/VND = 25.344).

Nguồn: Bloomberg, FiinPro-X, Vndirect Research

3.5 Thị trường chứng khoán thế giới

Diễn biến các thị trường chứng khoán thế giới và khu vực

Chỉ số	Quốc gia	1 tuần	1 tháng	Từ đầu năm 2024	1 năm
Dow Jones	Mỹ	1,39%	7,54%	19,16%	23,91%
S&P 500	Mỹ	1,06%	5,73%	26,47%	31,29%
Nasdaq	Mỹ	1,13%	6,21%	28,02%	34,35%
Euro Stoxx 50	EU	0,31%	-0,49%	6,25%	8,73%
FTSE 100	Anh	0,31%	2,18%	7,16%	10,07%
Nikkei 225	Nhật Bản	-0,35%	-2,39%	14,00%	14,11%
Shanghai	Trung Quốc	1,81%	1,42%	11,82%	9,72%
Hang Seng	Trung Quốc	1,01%	-4,40%	13,94%	15,41%
Taiwan Weighted	Đài Loan	-2,80%	-2,44%	24,16%	27,66%
SET	Thái Lan	-1,30%	-2,63%	0,83%	3,42%
KOSPI	Hàn Quốc	-1,86%	-3,97%	-7,55%	-2,01%
Malaysia Top 100	Malaysia	0,08%	0,08%	12,76%	13,75%
STI Index	Singapore	-0,18%	5,07%	15,40%	21,00%
IDX Composite	Indonesia	-1,13%	-6,07%	-2,18%	0,77%
PHS All Shares	Philippine	-1,30%	-5,51%	9,18%	12,21%
VN-Index	Việt Nam	1,82%	-1,11%	10,67%	13,46%

Thị trường chứng khoán Mỹ duy trì đà tăng và ghi nhận tăng điểm mạnh nhất kể từ đầu năm. Động lực tăng trên thị trường chứng khoán Mỹ đến từ nhóm cổ phiếu chip bán dẫn sau khi Bloomberg đưa tin rằng chính quyền ông Biden đang xem xét các rào cản bổ sung đối với việc bán thiết bị bán dẫn cho Trung Quốc. Kết tuần cả 3 chỉ số chứng khoán chính của thị trường Mỹ đều ghi nhận mức tăng trên 1%, trong đó Dow Jones khép lại tháng 11 với mức tăng 7,5%, S&P 500 và Nasdaq kết thúc tháng với mức tăng 5% và 6%.

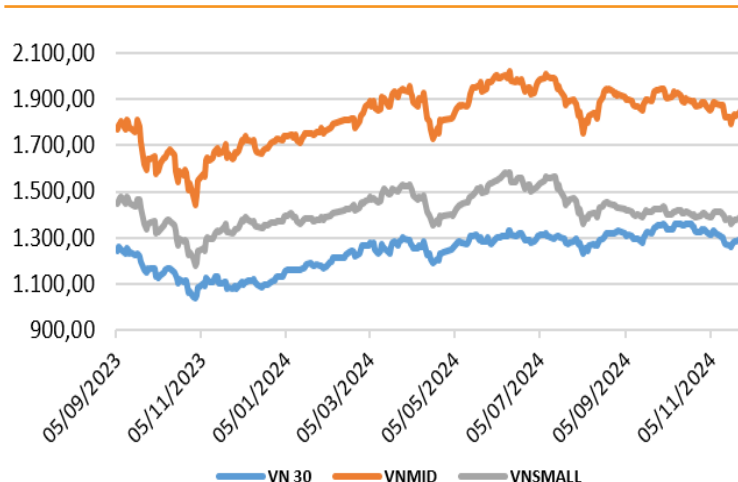
Ở chiều ngược lại, một số thị trường chứng khoán trong khu vực ghi nhận 1 tuần điều chỉnh như thị trường Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan ...

3.5 Thị trường CKVN: Thị trường duy trì phục hồi với thanh khoản thấp

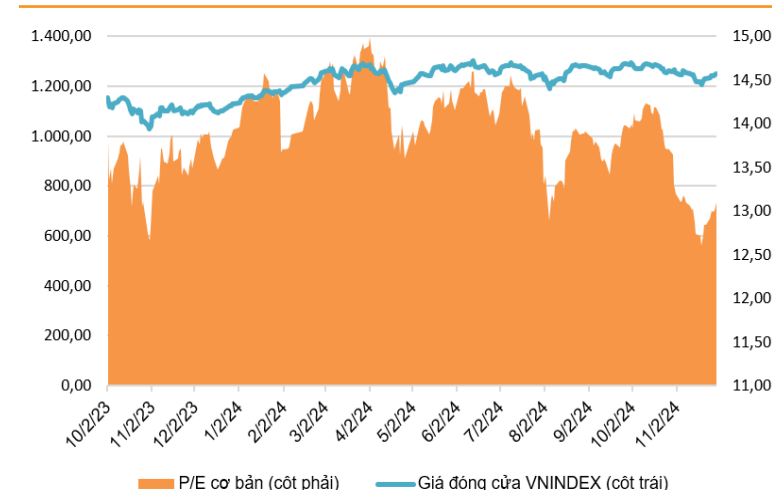
VN-Index duy trì đà hồi phục, kết tuần tại mức 1.250,46 điểm, tăng 1,82% sv tuần trước



Các chỉ số VN30/VNMID/ VNSML đều tăng với mức tăng lần lượt là 1,96%/1,75%/2,01%



P/E 12 tháng của VNINDEX đang giao dịch ở mức 13,1x.



- Với 4 phiên tăng điểm và 1 phiên giảm điểm nhẹ, VN-Index có thêm 1 tuần phục hồi. Kết tuần VN-index tăng 22,36 điểm (+ 1,82%) lên 1.250,46 điểm. Thanh khoản giao dịch tiếp tục sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 390,8 triệu cp/phiên, giảm 16,1% so với tuần trước và thấp hơn 18,5% so với trung bình 4 tuần gần nhất.
- Khối ngoại chuyển sang mua ròng với giá trị mua ròng trong tuần trên sàn HOSE là 1.002 tỷ đồng. Khối tự doanh các công ty chứng khoán duy trì bán ròng với giá trị bán ròng trong tuần trên sàn HOSE là 209 tỷ đồng.
- Các mã VCB và FPT là những mã có đóng góp tích cực cho VNINDEX với mức kéo chỉ số tăng lần lượt 4,2 điểm và 3,9 điểm. Ở chiều ngược lại VHM và VIC là những mã kéo chỉ số giảm nhiều nhất, với mức kéo chỉ số giảm lần lượt 0,37 điểm và 0,19 điểm.

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam

Diễn biến điểm số và thanh khoản các nhóm ngành

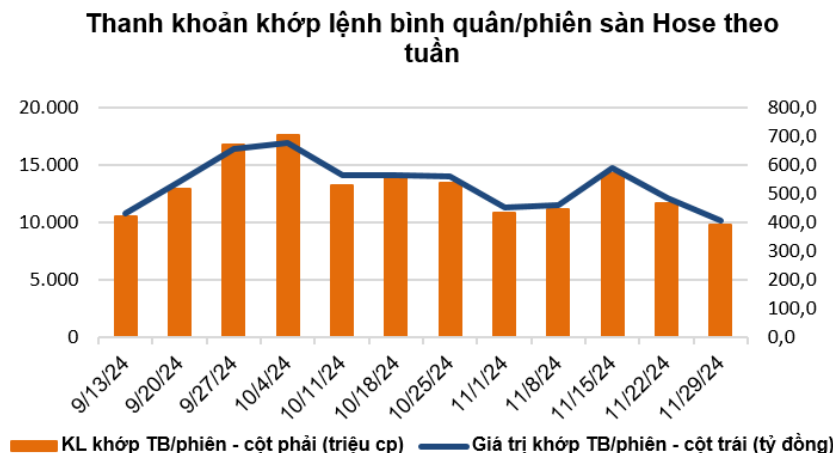
Ngành	1 tuần (%)	1 tháng (%)	Từ đầu năm (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	% thay đổi khối lượng (1 tuần)
Bán lẻ	2,8%	-3,7%	65,6%	38,0	3,15	-24,4%
Bảo hiểm	5,9%	8,2%	34,1%	14,1	1,39	170,0%
Bất động sản	0,4%	0,1%	14,4%	18,0	1,21	-21,2%
Công nghệ TT	7,5%	6,2%	70,7%	28,9	5,30	16,2%
Dầu khí	2,1%	-4,3%	16,2%	19,2	1,28	-6,5%
Dịch vụ tài chính	1,5%	-4,6%	13,8%	16,0	1,43	-20,2%
Hóa chất	1,1%	-1,8%	63,3%	18,3	1,91	24,2%
Ngân hàng	1,9%	-2,0%	29,5%	9,3	1,50	-24,8%
Tài nguyên cơ bản	1,9%	-0,7%	13,4%	19,1	1,33	-21,3%
Thực phẩm&Đồ uống	1,3%	0,9%	47,0%	21,03	2,90	-15,8%
Viễn thông	8,7%	22,1%	240,4%	59,0	7,36	-11,0%
Xây dựng & Vật liệu	1,6%	1,3%	28,9%	21,9	1,39	-4,7%
VN-Index	1,82%	-1,11%	10,67%	13,09	1,66	-16,1%

Hầu hết các nhóm ngành ghi nhận sự phục hồi về điểm số, tuy nhiên chỉ một số ít nhóm ghi nhận sự cải thiện về thanh khoản.

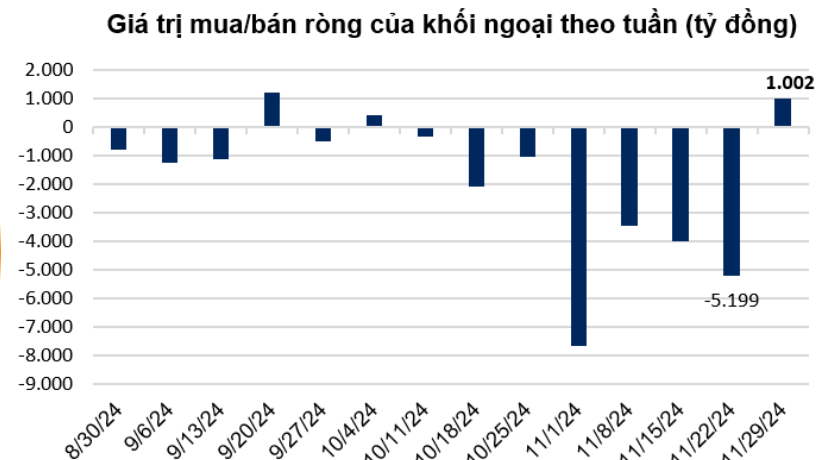
Nhóm CNTT và nhóm Viễn Thông dẫn đầu đà hồi phục với nhiều mã tăng mạnh như FPT (+7,8%), CMG (+6,5%), ELC (+4%), VGI (+9,6%), VTP (+6,3%)...Nhóm bảo hiểm cũng có diễn biến tích cực với thanh khoản tăng đột biến nhờ thị trường kỳ vọng nhóm bảo hiểm sẽ hưởng lợi khi lãi suất huy động có xu hướng tăng, nhiều mã tăng mạnh như BVH (+7,5%), MIG (+8%), BMI (+5,5%)....

3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản thấp và khối ngoại chuyển sang mua ròng

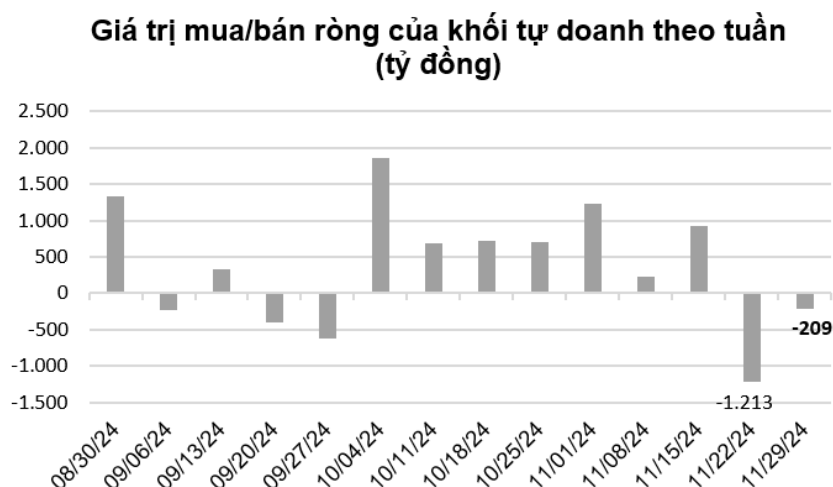
Thanh khoản tiếp tục sụt giảm, thanh khoản trên sàn Hose đạt trung bình 390,8 triệu cp/phần, giảm 16,1% sv tuần trước và thấp hơn 18,5% so với trung bình 4 tuần gần nhất.



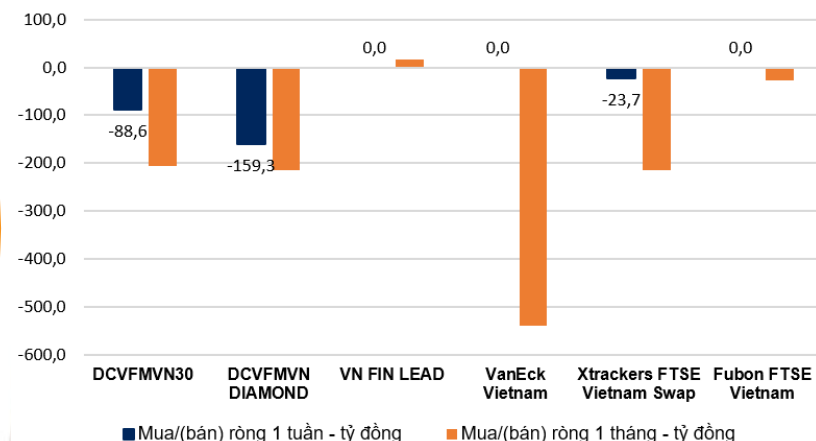
Khối ngoại chuyển sang mua ròng, giá trị mua ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối ngoại là 1.002 tỷ đồng.



Khối tự doanh duy trì bán ròng, giá trị bán ròng trên sàn Hose trong tuần qua của khối tự doanh là 209 tỷ đồng.

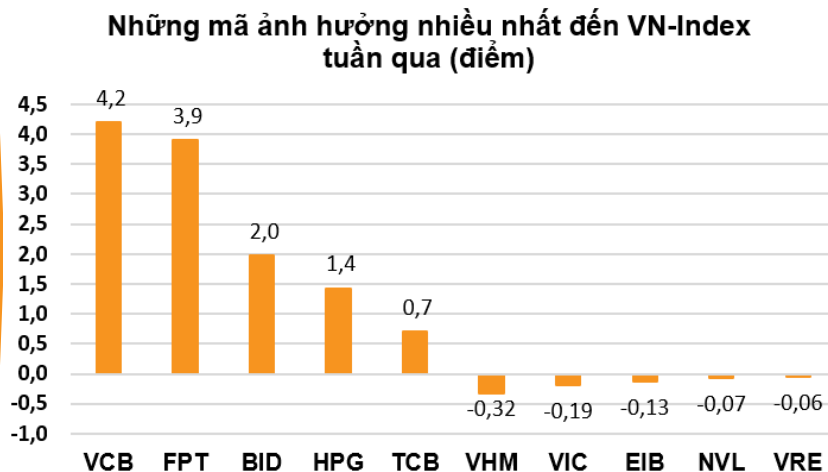


Một số ETF duy trì bán ròng trong tuần qua, trong đó quỹ DCVFMVN Diamond là quỹ ETF bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng hơn 159 tỷ đồng.

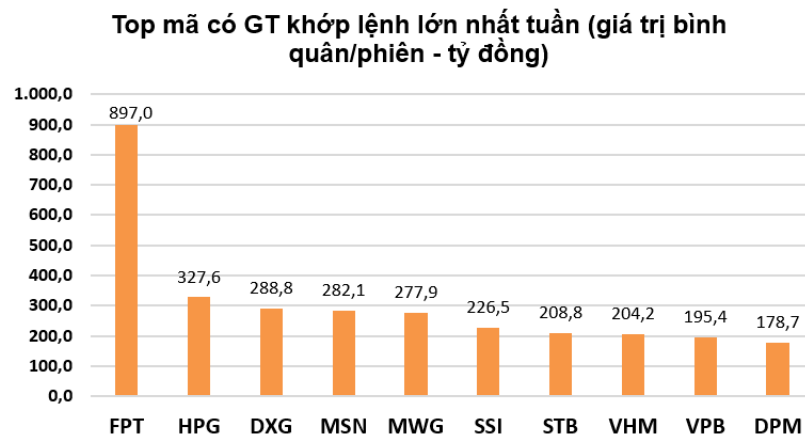


3.5 Thị trường chứng khoán Việt Nam: Thanh khoản thấp và khối ngoại chuyển sang mua ròng

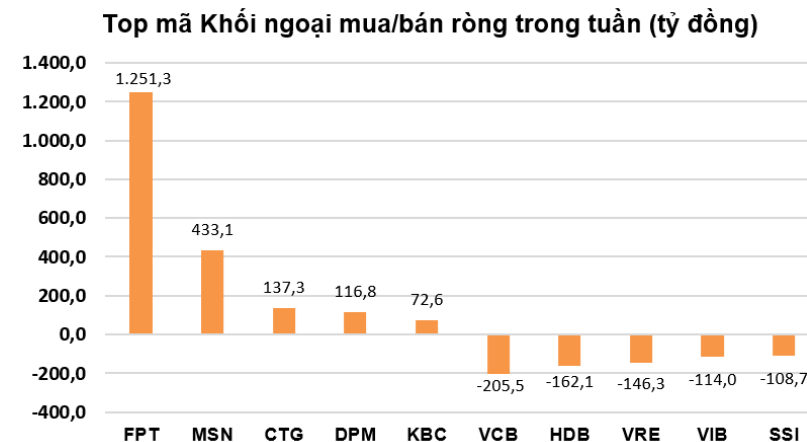
Các cổ phiếu ảnh hưởng mạnh nhất đến VN-Index trong tuần qua (mức tác động đến VNIndex – điểm)



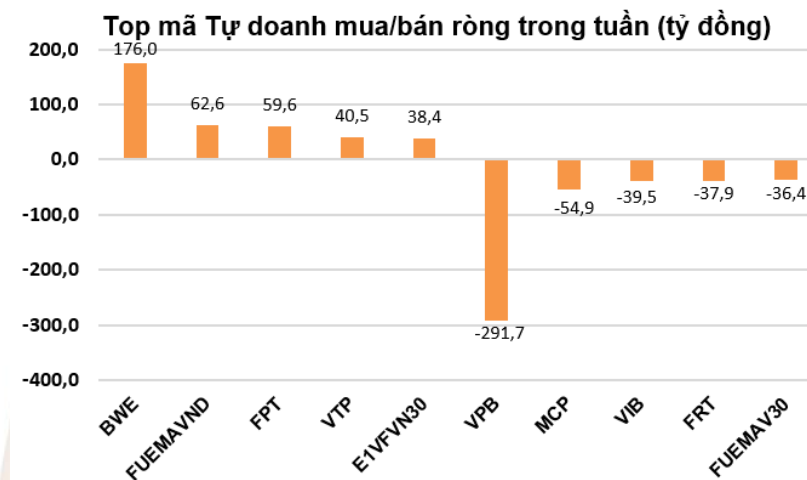
FPT là mã có giá trị khớp lệnh lớn nhất trong tuần với giá trị khớp lệnh trung bình là hơn 897 tỷ đồng/phiên, theo sau là các mã HPG và DXG với giá trị khớp lệnh trung bình/phiên lần lượt là hơn 327 tỷ đồng và hơn 288 tỷ đồng



Trong tuần từ 25/11 – 29/11 FPT là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất với giá trị hơn 1.251 tỷ đồng. Trong khi VCB là mã bị bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng hơn 205 tỷ đồng.



Trong tuần 25/11 – 29/11 BWE là mã được khối tự doanh mua ròng mạnh nhất với giá trị mua ròng hơn 176 tỷ đồng, trong khi VPB là mã được khối này bán ròng mạnh nhất với giá trị bán ròng là hơn 291 tỷ đồng.



Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
1	HPG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	2,5%	5,8%	31.700	18,5%
2	HHV	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	-0,5%	-14,4%	19.500	78,1%
3	VIB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	4,4%	4,9%	22.137	16,5%
4	KBC	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	2,8%	-5,9%	40.000	44,1%
5	VNM	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,5%	-1,5%	82.600	27,9%
6	QNS	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	0,2%	8,1%	65.100	28,1%
7	HSG	06/03/2024	La bàn đầu tư T3/2024	1,1%	-5,0%	32.000	68,4%
8	PVD	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	0,6%	-20,5%	36.800	55,3%
9	GMD	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	0,9%	-9,8%	76.800	18,7%
10	KDH	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	1,7%	-1,5%	39.800	20,1%
11	VHM	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	-1,9%	3,9%	66.400	62,7%
12	MWG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	2,5%	-6,7%	72.100	19,2%
13	MBB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,6%	5,0%	28.400	17,6%

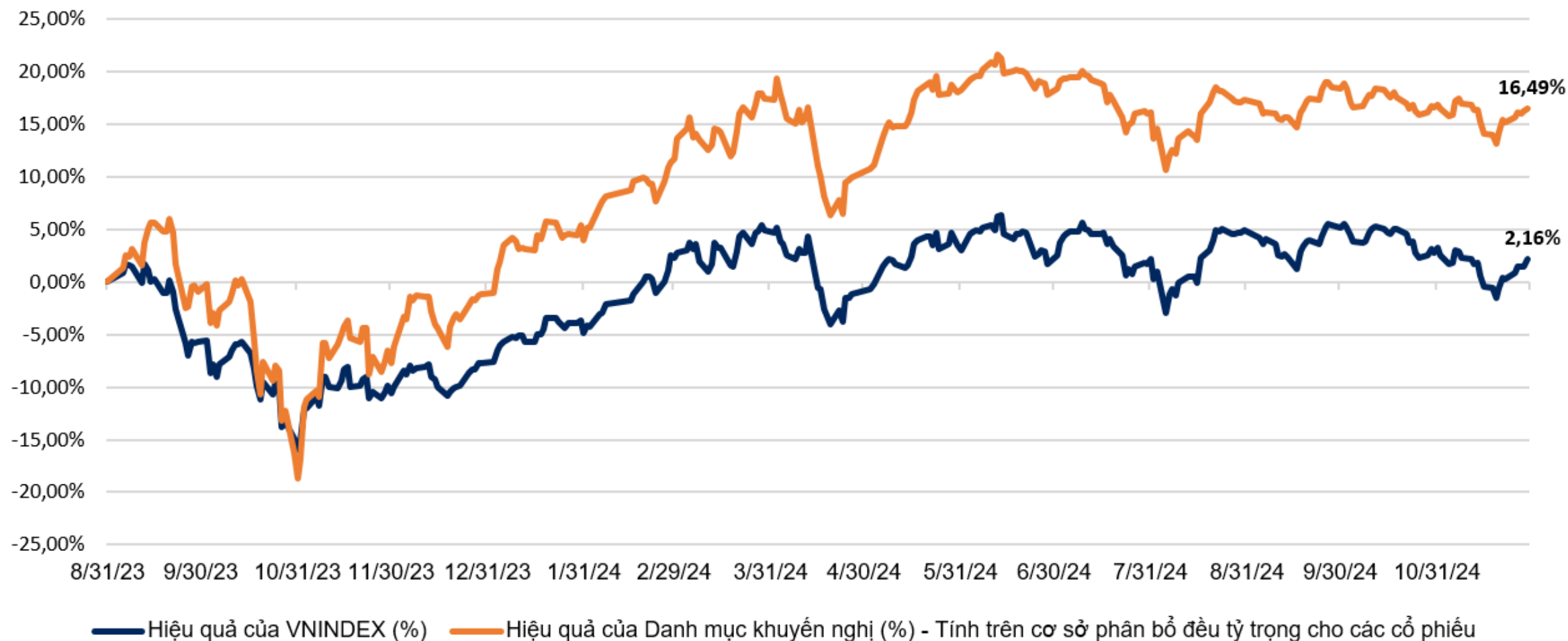
Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Hiệu quả tuần qua	Hiệu quả từ lúc khuyến nghị	Giá mục tiêu (đ/cp)	Upside còn lại
14	PNJ	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,0%	-4,9%	114.400	23,1%
15	BAF	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,8%	22,7%	26.800	7,8%
16	VCB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	3,0%	6,6%	111.800	19,8%
17	VPB	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,5%	0,7%	23.700	23,8%
18	SCS	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	0,6%	-11,6%	95.100	21,9%
19	HDG	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	1,6%	-8,6%	35.700	24,4%
20	ACV	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	5,5%	4,4%	136.200	7,8%
21	BCM	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	1,1%	-7,6%	83.900	26,2%
22	PHR	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	-1,4%	-3,9%	61.200	8,5%
23	NLG	04/09/2024	La bàn đầu tư T9/24	2,4%	-8,5%	45.800	19,1%
24	STB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	2,0%	-4,4%	41.500	24,6%
25	CTG	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	2,1%	2,0%	39.900	11,6%
26	TPB	05/11/2024	La bàn đầu tư T11/24	0,6%	-2,1%	21.000	29,6%

Danh sách các mã đã đạt giá mục tiêu

STT	Mã CP	Ngày khuyến nghị	Báo cáo khuyến nghị	Chủ đề đầu tư	Giá mục tiêu (đ/cp)	Ngày đạt giá mục tiêu
1	DGW	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ hồi phục dần	61.600	11/09/2023
2	CTG	04/12/2023	La Bàn Đầu Tư T12/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	34.600	07/02/2024
3	GMD	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	81.000	01/03/2024
4	VHC	02/10/2023	La bàn đầu tư T10/23	Tín hiệu phục hồi từ xuất khẩu	74.000	04/03/2024
5	DGW	02/11/2023	La Bàn Đầu Tư T11/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.600	08/03/2024
6	PNJ	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Nhu cầu tiêu dùng phục hồi	99.900	13/03/2024
7	MBB	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Ngành Ngân hàng vẫn hấp dẫn	25.400	22/03/2024
8	IDC	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	62.700	06/05/2024
9	MWG	05/09/2023	La bàn đầu tư T9/23	Bán lẻ dần hồi phục	61.500	15/05/2024
10	PHR	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Dòng vốn FDI vẫn mạnh mẽ	61.200	16/05/2024
11	PVS	08/04/2024	La bàn đầu tư T4/2024	Hoạt động E&P sẽ ngày càng sôi động	46.500	20/05/2024
12	BAF	06/05/2024	La bàn đầu tư T5/2024	Tăng trưởng mạnh trên nền thấp	23.000	29/05/2024
13	HAH	07/02/2024	La bàn đầu tư T2/2024	Hoạt động thương mại phục hồi	46.100	10/06/2024
14	FPT	05/06/2024	La bàn đầu tư T6/2024	Triển vọng chất bán dẫn	135.900	21/06/2024
15	PLX	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Nhu cầu xăng dầu trong nước vẫn mạnh mẽ	47.100	15/07/2024
16	HAH	12/07/2024	BCCL 6T cuối năm 2024	Hoạt động thương mại phục hồi	48.000	14/11/2024

Theo dõi biến động danh mục khuyến nghị



THANK YOU

VNDIRECT RESEARCH

Email: research@vndirect.com.vn

